

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA TIÊN SƠN

-----& 11 &-----

BÁO CÁO
KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG

VÙNG QUAN TRẮC: CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
- NHÀ MÁY SỮA TIÊN SƠN
-- KCN TIÊN SƠN, TỈNH BẮC NINH

ĐỢT III NĂM 2025

Cơ quan thực hiện:

Trung tâm quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Ninh số 2

BẮC NINH, NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM - NHÀ MÁY SỮA TIỀN SƠN
-----o0o-----

BÁO CÁO
KẾT QUẢ QUAN TRẮC CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
ĐỢT III NĂM 2025

CƠ QUAN CHỦ TRÌ
CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM -
NHÀ MÁY SỮA TIỀN SƠN



GIÁM ĐỐC NHÀ MÁY
Nguyễn Chí Cường

BẮC NINH, NĂM 2025

1. Giới thiệu chung về chương trình quan trắc

1.1. Căn cứ thực hiện

- Luật bảo vệ Môi trường năm 2020;
- Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường;
- Các quy chuẩn và tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường hiện hành;
- Kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ năm 2025 của Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy sữa Tiên Sơn., KCN Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

1.2. Phạm vi và thời gian thực hiện

- Phạm vi thực hiện: Quan trắc nước thải, không khí, tại Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy sữa Tiên Sơn., KCN Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.
- Thời gian thực hiện: ngày 18/8/2025 và ngày 12/9/2025.

1.3. Tần suất thực hiện

Tần suất thực hiện giám sát các thành phần môi trường: 03 tháng 1 lần

1.4. Giới thiệu hoạt động của cơ sở sản xuất

Tên doanh nghiệp: Công ty cổ phần Sữa Việt Nam - Nhà máy sữa Tiên Sơn.

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam – Nhà máy sữa Tiên Sơn

Địa chỉ cơ sở: KCN Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh

Năm bắt đầu hoạt động: 2008

Diện tích mặt bằng: 140.000 m²

Loại hình sản xuất: Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa.

Tình trạng hệ thống xử lý: Tại thời điểm lấy mẫu hệ thống xử lý nước thải vẫn hoạt động bình thường.

1.5. Đơn vị thực hiện quan trắc

Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường Bắc Ninh số 2

Đại diện: Ông Nguyễn Hồng Thái, chức vụ: Phó giám đốc

Địa chỉ: Số 11 - đường Hai Bà Trưng - phường Kinh Bắc - tỉnh Bắc Ninh.

Điện thoại: 0222.3874 125

Website: Quantracmoitruongbacninh.gov.vn

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm: số đăng ký 049/TN-QTMT

Danh sách những người tham gia thực hiện:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Phan Khắc Huê	Trưởng phòng Quan trắc môi trường
2	Nguyễn Thị Hà An	Phó trưởng phòng Phân tích môi trường
4	Phạm Thị Tuyết Mai	Phó trưởng phòng Tư vấn Kỹ thuật Môi trường
5	Nguyễn Thị Phương Hằng	Cán bộ Phòng Tư vấn Kỹ thuật Môi trường
6	Nguyễn Văn Công	Phó trưởng phòng Quan trắc môi trường
7	Vũ Sơn Giang	Cán bộ Phòng Quan trắc môi trường

8	Nguyễn Thụ Đạt	Cán bộ Phòng Quan trắc môi trường
---	----------------	-----------------------------------

1.6. Nhà thầu phụ

- Viện khoa học công nghệ năng lượng và môi trường (VIMCERT 079).

1.7. Chương trình quan trắc

Bảng 1. Thông tin về các điểm quan trắc

TT	Tên điểm quan trắc	Ký hiệu điểm quan trắc	Thông số quan trắc	Mô tả điểm quan trắc
I	Thành phần môi trường nước thải			
1	Điểm quan trắc 1	55NT1.3	BOD ₅ (20°C), Asen, Thủy ngân, Chì, Cadimi, Tổng dầu mỡ khoáng, Tổng nitơ, Tổng phốt pho (tính theo P), Coliform	Nước thải trước hệ thống xử lý
2	Điểm quan trắc 2	55NT2.3		Nước thải sau hệ thống xử lý
II	Thành phần môi trường nước mặt			
1	Điểm quan trắc	55NM.3	pH, BOD ₅ , COD, TSS, DO, Tổng Coliform, Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N), Chloride (Cl ⁻), Tổng Chromi (Cr), Mangan (Mn), Chất hoạt động bề mặt anion, Tổng Phenol, Tổng dầu, mỡ (oils & grease)	Nước mặt ngoài mương thoát nước
III	Thành phần môi trường không khí			
1	Điểm quan trắc 1	55KK1.3	Tiếng ồn; độ rung	Khu vực tiếp nguyên liệu
2	Điểm quan trắc 2	55KK2.3		Khu vực băng tải trong dây chuyền sản xuất
3	Điểm quan trắc 3	55KK3.3		Khu vực dây chuyền đóng chai
4	Điểm quan trắc 4	55KK4.3		Khu vực hệ thống quạt thông gió nhà xưởng
5	Điểm quan trắc 5	55KK5.3		Khu vực thiết bị ngưng tụ, tháp làm mát, máy nén khí
6	Điểm quan trắc 6	55KK6.3		Khu vực nhà điều hành trạm xử lý nước thải
7	Điểm quan trắc 7	55KK7.3		Khu vực hệ thống xử lý khí thải lò hơi

PHỤ LỤC

1. Phiếu kết quả phân tích
2. Biên bản lấy mẫu hiện trường

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
BẮC NINH SỐ 2 - VIMCERTS 049

Bac Ninh Provincial Department of Agriculture and Environment
Bac Ninh Center of Natural Resources and Environment Monitoring No.2 - VIMCERTS 049
Địa chỉ: Số 11 đường Hai Bà Trưng, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh Điện thoại: 0222.3874125

Số: 4775/2025/QT55 -N

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu	Nước mặt
Tên khách hàng	Công ty Cổ phần sữa Việt Nam – Nhà máy sữa Tiên Sơn Địa chỉ: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh
Vị trí lấy mẫu	55NM.3: Nước mặt ngoài mương thoát nước
Ngày lấy mẫu	18/8/2025
Ngày phân tích	18/8/2025– 12/9/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	QCVN 08:2023/ BTNMT (Bảng 2, mức B)	Kết quả
1	pH	-	TCVN 6492: 2011	6,0-8,5	7,1
2	BOD ₅	mg/l	SMEWW 5210B: 2023	≤ 6	13,9
3	COD	mg/l	SMEWW 5220C: 2023	≤ 15	19,6
4	TSS	mg/l	SMEWW 2540D: 2023	≤ 100	60,6
5	DO	mg/l	TCVN 7326:2016	≥ 5	5,94
6	Tổng Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B: 2023	≤ 5000	49000
TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	QCVN 08:2023/ BTNMT (Bảng 1)	Kết quả
7	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	mg/l	TCVN 6179-1:1996	0,3	3,15
8	Chloride (Cl ⁻)	mg/l	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	250	65,3
9	Tổng Chromi (Cr)	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,05	<0,008* (0,003)
10	Mangan (Mn)	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,1	0,085
11	Chất hoạt động bề mặt anion ^(a)	mg/l	SMEWW 5540B&C: 2023	0,1	<0,03



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
BẮC NINH SỐ 2 - VIMCERTS 049

Bac Ninh Provincial Department of Agriculture and Environment
Bac Ninh Center of Natural Resources and Environment Monitoring No.2 - VIMCERTS 049
Địa chỉ: Số 11 đường Hai Bà Trưng, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh Điện thoại: 0222.3874125

Số: 4775/2025/QT55 -N

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	QCVN 08:2023/ BTNMT (Bảng 1)	Kết quả
12	Tổng Phenol ^(a)	mg/l	TCVN 6216:1996	0,005	0,023
13	Tổng dầu, mỡ (oils & grease)	mg/l	SMEWW 5520B : 2023	5,0	KPH

Ghi chú:

+(-): Không quy định;

+ **QCVN 08:2023/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;

+ ^(a): thông số sử dụng nhà thầu phụ – Viện khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường (VIMCERTS 079);

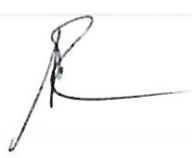
+ **KPH**: Không phát hiện, kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

+ ^(*): Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp.

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 9 năm 2025

PHÒNG PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Hà An


Nguyễn Hồng Thái

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
BẮC NINH SỐ 2 - VIMCERTS 049

Bac Ninh Provincial Department of Agriculture and Environment
Bac Ninh Center of Natural Resources and Environment Monitoring No.2 - VIMCERTS 049
Địa chỉ: Số 11 đường Hai Bà Trưng, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh Điện thoại: 0222.3874125

Số: 4778/2025/QT55 -N

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Loại mẫu	Nước thải
Tên khách hàng	Công ty Cổ phần sữa Việt Nam – Nhà máy sữa Tiên Sơn Địa chỉ: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh
Vị trí lấy mẫu	55NT1.3: Nước thải trước hệ thống xử lý 55NT2.3: Nước thải sau hệ thống xử lý
Ngày lấy mẫu	18/8/2025
Ngày phân tích	18/8/2025– 12/9/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	QCVN 40:2011/ BTNMT Cmax (A)	Kết quả	
					55NT1.3	55NT2.3
1	BOD ₅ (20°C)	mg/l	SMEWW 5210B: 2023	27	606,0	4,66
2	Asen	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,045	KPH	KPH
3	Thủy ngân	mg/l	SMEWW 3112B: 2023	0,0045	KPH	KPH
4	Chì	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,09	KPH	KPH
5	Cadimi	mg/l	SMEWW 3125B: 2023	0,045	KPH	KPH
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	SMEWW5520B&F: 2023	4,5	KPH	KPH
7	Tổng Nito	mg/l	TCVN 6638:2000	18	41,2	2,80
8	Tổng Phốtpho (tính theo P) ^(a)	mg/l	TCVN 6202:2008	3,6	4,38	1,43
9	Clorua	mg/l	SMEWW 4500 Cl ⁻ B:2023	450	140,2	156,3
10	Coliform	MPN/ 100ml	SMEWW 9221B: 2023	3000	140000	13

Ghi chú :

+ $C_{max} = C_x K_q \times K_f$ ($K_q = 0,9$; $K_f = 1,0$);

+ **QCVN 40:2011/BTNMT**: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
BẮC NINH SỐ 2 - VIMCERTS 049

Bac Ninh Provincial Department of Agriculture and Environment
Bac Ninh Center of Natural Resources and Environment Monitoring No.2 - VIMCERTS 049
Địa chỉ: Số 11 đường Hai Bà Trưng, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh Điện thoại: 0222.3874125

Số: 4778/2025/QT55 -N

+ (A): thông số sử dụng nhà thầu phụ – Viện khoa học Công nghệ Năng lượng và Môi trường (VIMCERTS 079);

+ KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích nhỏ hơn giới hạn phát hiện MDL của phương pháp.

Bắc Ninh, ngày 12 tháng 9 năm 2025

PHÒNG PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hà An



Nguyễn Hồng Thái



SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
BẮC NINH SỐ 2 - VIMCERTS 049

BacNinh provincial Department of Agriculture and Environment
Bac Ninh Center of natural resources and Environment Monitoring No.2 - VIMCERTS 049
 Địa chỉ: Số 11 đường Hai Bà Trưng, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh Điện thoại: (0222) 3874125

BIÊN BẢN QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
(MÔI TRƯỜNG NƯỚC)

Ngày lấy mẫu: 18/08/25
 Tên Công ty: Công ty Cổ phần sữa Việt Nam - Nhà máy sữa Tiên Sơn
 Địa điểm: KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh
 Lý do lấy mẫu: BT
 Đặc điểm thời tiết: Mây
 Hoạt động của cơ sở khi lấy mẫu: bt
 Nhóm quan trắc: Công nhân, thợ sửa
 Thiết bị quan trắc: GPS Garmin, , máy đo đa chỉ tiêu Horiba U52, Handylab pH 11, Handylab OX 12, Thiết bị đo lưu tốc dòng nước FP211, Máy đo lưu tốc FH950, Máy đo Ph HQ40d, Thùng bảo quản mẫu đi hiện trường và các dụng cụ lấy mẫu...

TT	Vị trí	Ký hiệu	Dạng mẫu	Lượng mẫu	Phương pháp lấy mẫu	Phương pháp bảo quản	Tọa độ
1	Nước thải trước hệ thống xử lý	55NT1.3	Lỏng	01	Theo TCVN hiện hành, SOP của TT Quan trắc,...	Theo các TCVN, QCVN hiện hành,...	X: 2337286 Y: 552961
2	Nước thải sau hệ thống xử lý	55NT2.3	Lỏng	01			X: 2337312 Y: 552987
3	Giếng khai thác số 01	55 NN1.3	Lỏng	01			X: 2337123 Y: 552950
4	Giếng khai thác số 02	55 NN2.3	Lỏng	01			X: 23373902 Y: 552843.38
5	Giếng khai thác số 03	55 NN3.3	Lỏng	01			X: 2337118 Y: 552804
6	Giếng khai thác số 04	55 NN4.3	Lỏng	01			X: 2337354.30 Y: 552668.83
7	Nước mặt ngoài ruộng thoát nước	55NM.3	Lỏng	01			X: 2337342 Y: 552997

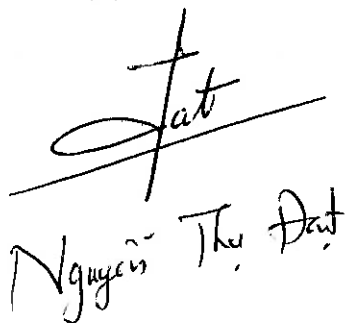
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BẮC NINH
TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
BẮC NINH SỐ 2 - VIMCERTS 049

BacNinh provincial Department of Agriculture and Environment
Bac Ninh Center of natural resources and Environment Monitoring No.2 - VIMCERTS 049
Địa chỉ: Số 11 đường Hai Bà Trưng, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh Điện thoại: (0222)3874125

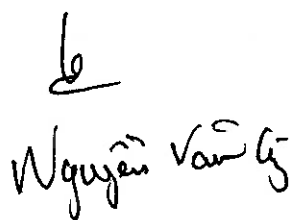
Ghi chú:

Phương pháp lấy mẫu nước: Nước thải: (TCVN 5999-1995); Nước mặt: (TCVN 5994-1995), (TCVN 6663 - 6: 2018); Nước ngầm: TVCN (6663-11:2011); Nước Mưa TCVN (5997:1995). **Phương pháp bảo quản:** TCVN 6663-3:2016...

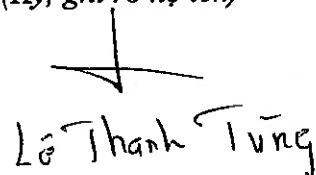
Người lấy mẫu
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Đạt

Trưởng nhóm quan trắc
(Ký, ghi rõ họ tên)


Nguyễn Văn G

Đại diện cơ sở
(Ký, ghi rõ họ tên)


Lê Thanh Tùng



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 09672/2025/PKQ (5124.01A2508.218-225)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm
Địa chỉ
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc

: TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC NINH SỐ 2
: Số 11, đường Hai Bà Trưng, Phường Kinh Bắc, Tỉnh Bắc Ninh
: Công ty Cổ phần sữa Việt Nam - Nhà máy sữa Tiên Sơn; KCN Tiên Sơn, xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh

Loại mẫu
Số lượng mẫu
Thời gian lấy mẫu
Thời gian thử nghiệm

: Không khí môi trường lao động
: 7
: 22/08/2025
: 22/08/2025 - 04/09/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả							
				01A2508.218	01A2508.219	01A2508.220	01A2508.221	01A2508.222	01A2508.224	01A2508.225	01A2508.225
1.	Tiếng ồn dải tần (63) ^(c)	dB	TCVN 7878-2:2010	41,4	38,7	41,9	41	51,8	-	-	-
2.	Tiếng ồn dải tần (125) ^(c)	dB	TCVN 7878-2:2010	49,8	50,2	53,5	51,2	67,6	-	-	-
3.	Tiếng ồn dải tần (250) ^(c)	dB	TCVN 7878-2:2010	57,4	57,3	62,8	60,3	78,4	-	-	-
4.	Tiếng ồn dải tần (500) ^(c)	dB	TCVN 7878-2:2010	62	61,9	70,3	65,7	84,2	-	-	-
5.	Tiếng ồn dải tần (1000) ^(c)	dB	TCVN 7878-2:2010	60,5	63,3	70,3	66,1	85,3	-	-	-
6.	Tiếng ồn dải tần (2000) ^(c)	dB	TCVN 7878-2:2010	55,4	63	71,4	67,1	80,7	-	-	-
7.	Tiếng ồn dải tần (4000) ^(c)	dB	TCVN 7878-2:2010	51,2	59,5	67,2	68,1	76,4	-	-	-
8.	Tiếng ồn dải tần	dB	TCVN 7878-2:2010	41,3	55,2	61,1	65,6	66,8	-	-	-

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VITAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả							
				01A2508.218	01A2508.219	01A2508.220	01A2508.221	01A2508.222	01A2508.224	01A2508.225	
	(8000) ^(c)										
9.	Tiếng ồn Leq ^(c)	dB	TCVN 7878-2:2010	-	-	-	-	-	67	70	
10.	Độ rung ^(b)	dB	TCVN 6963:2001	-	-	-	-	-	33	35	
11.	Gia tốc rung ^(c)	m/s ²	TCVN 5127 - 90	0,006	0,008	0,005	0,006	0,011	-	-	

Ghi chú:

- 01A2508.218: 55KK1.3. KK1. Khu vực tiếp nguyên liệu
- 01A2508.219: 55KK2.3. KK2. Khu vực băng tải trong dây chuyền sản xuất
- 01A2508.220: 55KK3.3. KK3. Khu vực dây chuyền đóng chai
- 01A2508.221: 55KK4.3. KK4. Khu vực hệ thống quạt thông gió nhà xưởng
- 01A2508.222: 55KK5.3. KK5. Khu vực thiết bị ngưng tụ, tháp làm mát, máy nén khí
- 01A2508.224: 55KK6.3. KK6: Khu vực nhà điều hành trạm xử lý nước thải
- 01A2508.225: 55KK7.3. KK7: Khu vực hệ thống xử lý khí thải lò hơi
- (c): Quyết định 1034/MT-LĐ ngày 14/09/2018 của Cục Quản lý môi trường y tế - Bộ Y tế về việc công bố tổ chức thực hiện quan trắc MTLD;

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiến

Hà Nội, ngày 04 tháng 09 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHO VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 09262/2025/PKQ (4994.01W2508.1667)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG BẮC NINH SỐ 2
Địa chỉ : Số 11, Đường Hai Bà Trưng, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh
Loại mẫu : Nước mặt
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 19/08/2025
Thời gian thử nghiệm : 19/08/2025 - 28/08/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1.	Chất hoạt động bề mặt anion ^(b)	mg/L	SMEWW 5540B&C: 2023	<0,03
2.	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	0,023

Ghi chú:

- 01W2508.1667: 55NM.3
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiến

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 09261/2025/PKQ (4994.01W2508.1666)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG BẮC NINH SỐ 2
Địa chỉ : Số 11, Đường Hai Bà Trưng, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, hãm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 19/08/2025
Thời gian thử nghiệm : 19/08/2025 - 28/08/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1.	Tổng Photpho (tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	1,43

Ghi chú:

- 01W2508.1666: 55NT2.3
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đặng Xuân Tiến

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 09260/2025/PKQ (4994.01W2508.1665)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm : TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG BẮC NINH SỐ 2
Địa chỉ : Số 11, Đường Hai Bà Trưng, phường Kinh Bắc, tỉnh Bắc Ninh
Loại mẫu : Nước thải
Tình trạng mẫu : Bảo quản lạnh, không hâm hóa chất
Số lượng mẫu : 01
Thời gian nhận mẫu : 19/08/2025
Thời gian thử nghiệm : 19/08/2025 - 28/08/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
1.	Tổng Photpho (tính theo P) ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	4,38

Ghi chú:

- 01W2508.1665: 55NT1.3
- (b): Thông số được Vimcerts chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;
- Mẫu do khách hàng mang đến.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

Vũ Văn Tú

QA/QC

Đặng Xuân Tiến

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 09619/2025/PKQ (5123.01A2508.215-217)

Đơn vị yêu cầu thử nghiệm
Địa chỉ
Địa điểm lấy mẫu/quan trắc
Loại mẫu
Số lượng mẫu
Thời gian lấy mẫu
Thời gian thử nghiệm

: TRUNG TÂM QUAN TRẮC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG BẮC NINH SỐ 2
: Số 11, đường Hai Bà Trưng, Phường Kinh Bắc, Tỉnh Bắc Ninh
: Công ty TNHH sản xuất thương mại Âu Lạc C6-2, KCN Đại Đồng- Hoàn Sơn, Bắc Ninh
: Không khí môi trường lao động
: 3
: 22/08/2025
: 22/08/2025 - 03/09/2025

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả		
				01A2508.215	01A2508.216	01A2508.217
1.	Nhiệt độ(*)	°C	TCVN 5508:2009	32	28,2	29,7
2.	Độ ẩm(*)	%	TCVN 5508:2009	75,2	89,2	83,4
3.	Tốc độ gió(*)	m/s	TCVN 5508:2009	<0,5	<0,5	<0,5
4.	Tiếng ồn dải tần (63)(*)	dB	TCVN 7878-1:2008	48,4	38	38,4
	Tiếng ồn dải tần (125)(*)	dB	TCVN 7878-1:2008	53,8	48,1	47,7
	Tiếng ồn dải tần (250)(*)	dB	TCVN 7878-1:2008	69,2	55,8	61,4
	Tiếng ồn dải tần (500)(*)	dB	TCVN 7878-1:2008	67,5	57,6	54,9
	Tiếng ồn dải tần (1000)(*)	dB	TCVN 7878-1:2008	72,7	60,9	63,3
	Tiếng ồn dải tần (2000)(*)	dB	TCVN 7878-1:2008	73,3	65,2	69,4
	Tiếng ồn dải tần (4000)(*)	dB	TCVN 7878-1:2008	67,3	62,4	65,5

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.



VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ NĂNG LƯỢNG VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN (R&D)
(VILAS 366 - VIMCERTS 079)

Địa chỉ: P800, nhà A30, số 18 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-24) 3791 1654 Fax: (84-24) 3791 1203



ISO/IEC 17025:2017

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	
				01A2508.215	01A2508.216
	Tiếng ồn dải tần (8000)(*)	dB	TCVN 7878-1:2008	65,4	62,5
5.	Bụi(*)	mg/m ³	Phương pháp đo nhanh	0,431	0,335

Ghi chú:

- 01A2508.215: 38KK1.3: Khu vực cán luyện ép
- 01A2508.216: 38KK2.3: Khu vực kho
- 01A2508.217: 38KK3.3: Khu vực thành phẩm

(*) : Thông số theo quyết định 1034/MT-LĐ ngày 14/09/2018 của Cục Quản lý môi trường y tế - Bộ Y tế về việc công bố tổ chức thực hiện quan trắc

MTLĐ.

PHÒNG NGHIÊN CỨU VÀ
PHÁT TRIỂN

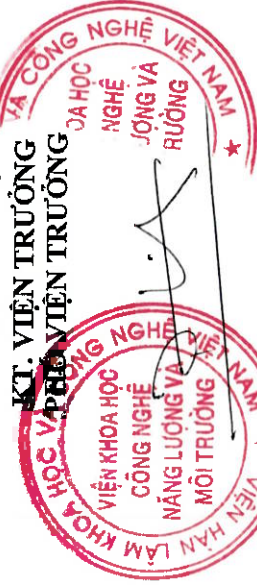
Vũ Văn Tú

QA/QC

Đậu Xuân Tiến

Hà Nội, ngày 03 tháng 09 năm 2025

KT. VIỆN TRƯỞNG
PHÒNG VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Quang Ninh

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
2. Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Viện Khoa học công nghệ Năng lượng và Môi trường.
3. Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

BM 24-1

Ngày hiệu lực: 01/01/2024

